

DEFENSE LANGUAGE INSTITUTE

ROBERT D. WHITEHURST III.

RA11936335

VIETNAMESE (SAIGON DIALECT)

Eddie FAIRFIELD

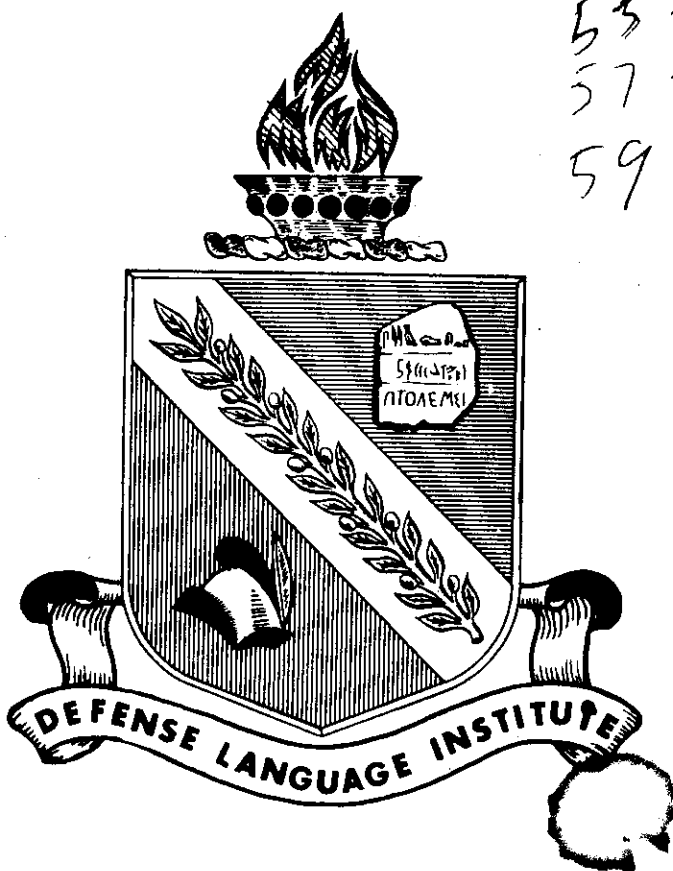
BASIC COURSE

VOLUME VIII

LESSONS 113-128

57 ¹⁷ Nguyễn Công Sang
57 Nguyễn Hoà Phú
59 Nguyễn Thị Quới
61 Nguyễn Thị Ngọc

43 -
55 -
57 -
59 -



DEPARTMENT OF DEFENSE

V I E T N A M E S E
(Saigon Dialect)

Basic Course
Volume VIII
Lessons 113-128

December 1966

This pamphlet is for use by the faculty and staff of the Defense Language Institute solely for official purposes. It is NOT for general distribution. It may NOT be released to other persons, quoted or extracted for publication, or otherwise copied or distributed without specific permission in each instance from the Director, Defense Language Institute.

DEFENSE LANGUAGE INSTITUTE

PREFACE

The Vietnamese (Saigon dialect) Course, consisting of 176 lessons in 11 volumes, is one of the Defense Language Institute's Basic Course Series. The material was developed at the Defense Language Institute and approved for publication by the Institute's Curriculum Development Board.

The course is designed to train native English language speakers to Level 3 proficiency in comprehension and speaking and Level 3 proficiency in reading and writing Vietnamese. The texts are intended for classroom use in the Defense Language Institute's intensive programs employing the audio-lingual methodology. Tapes accompany the texts.

All inquiries concerning these materials, including requests for authorization to reproduce, will be addressed to the Director, Defense Language Institute, U. S. Naval Station, Anacostia Annex, Washington, D. C. 20390.


C. W. CHANEY
Colonel, U.S. Army
Director

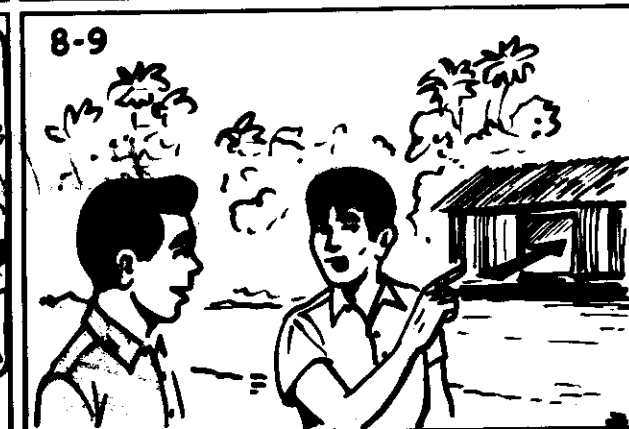
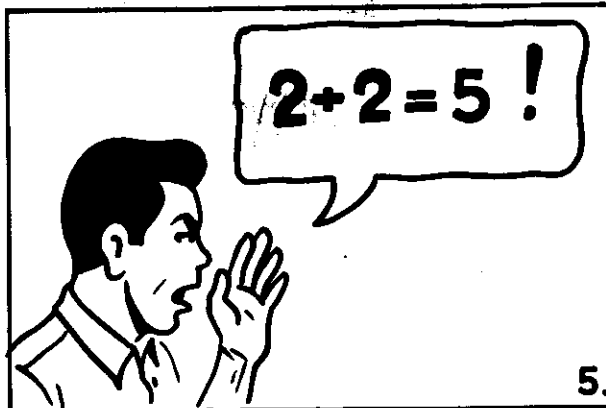
Table of Contents

	<u>Page</u>
Lesson 113. I. Dialogue - Cadres Getting Caught	2
II. Dialogue Translation	3
III. Vocabulary	4
IV. Reading Exercise - Geography Lesson 24 Fish-smoking Factory at Ninh-Thuận	5
Lesson 114. I. Dialogue - An International Cultural Conference	10
II. Dialogue Translation	11
III. Vocabulary	12
IV. Reading Exercise - Culture Lesson 25 The Mosquitoes (continued)	13
Lesson 115. I. Dialogue - The Four Division Tactical Areas	17
II. Dialogue Translation	18
III. Vocabulary	20
IV. Reading Exercise - History Lesson 25 France took North Viet-Nam (continued)	21
Lesson 116. I. Dialogue - Sea and River Forces	26
II. Dialogue Translation	27
III. Vocabulary	30
IV. Reading Exercise - Geography Lesson 25 Minerals	31

	<u>Page</u>
Lesson 117. I. Dialogue - Christmas and New Year	35
II. Dialogue Translation	36
III. Vocabulary	39
IV. Reading Exercise - Culture Lesson 26 The New Year	40
Lesson 118. I. Dialogue - Ceremonies on New Year's Days	44
II. Dialogue Translation	45
III. Vocabulary	48
IV. Reading Exercise - History Lesson 26 Sino-Franco War (1884-1885)	51
Lesson 119. I. Dialogue - Geography of South Viet-Nam	56
II. Dialogue Translation	57
III. Vocabulary	60
IV. Reading Exercise - Geography Lesson 26 Sơn-Tây	61
Lesson 120. I. Dialogue - Political Set-up in South Viet-Nam	66
II. Dialogue Translation	67
III. Vocabulary	70
IV. Reading Exercise - Culture Lesson 27 The New Year (continued)	71

	<u>Page</u>
Lesson 121. I. Dialogue - Conference of Foreign Ministers	75
II. Dialogue Translation	76
III. Vocabulary	77
IV. Reading Exercise - History Lesson 27 Patriotism of the Vietnamese King Hàm-Nghi - The Royalist Movement	78
Lesson 122. I. Dialogue - Special Forces Camp Under Attack	83
II. Dialogue Translation	84
III. Vocabulary	85
IV. Reading Exercise - Geography Lesson 27 The Hải-Vân Pass	86
Lesson 123. I. Dialogue - The Military Schools	90
II. Dialogue Translation	91
III. Vocabulary	94
IV. Reading Exercise - Culture Lesson 28 Some Cultural Associations	95
Lesson 124. I. Dialogue - The Quang-Trung Training Center	100
II. Dialogue Translation	101
III. Vocabulary	102
IV. Reading Exercise - History Lesson 28 Resistance Against the French Hoàng-Hoa-Thâm/Phan-Dinh-Phùng	103

	<u>Page</u>
Lesson 125. I. Dialogue - The Secretary of Defense's Visit	108
II. Dialogue Translation	109
III. Vocabulary	110
IV. Reading Exercise - Geography Lesson 28 Lạng-sơn: Tam-Thanh Cave, Vọng-Phu Mount	111
Lesson 126. I. Dialogue - The South East Asia Delegates at the United Nations	116
II. Dialogue Translation	117
III. Vocabulary	118
IV. Reading Exercise - Culture Lesson 29 The Vietnamese Names	119
Lesson 127. I. Dialogue - Aids from Friendly Countries	128
II. Dialogue Translation	129
III. Vocabulary	130
IV. Reading Exercise - History Lesson 29 The Progressive Movement - Phan-Chu-Trinh	131
Lesson 128. I. Dialogue - Agricultural Products	136
II. Dialogue Translation	137
III. Vocabulary	138
IV. Reading Exercise - Culture Lesson 30 The Lunar Calendar	139
GLOSSARY	145



BÀI THỨ MỘT TRĂM MƯỜI BA

1. Bửu: Đêm qua ban tình báo của ta đã bắt được nhiều cán-bộ chánh-trị địch lén-lút về các thôn làng để tuyên-truyền.
2. Độ: Họ làm sao mà chớp được những tên đó?
3. B: Bấy lâu nay ta được tin chúng cứ trà trộn với dân chúng, nhét truyền-đơn vô các gong gánh; vì vậy ta đã hết sức theo dõi những hành-động lén-lút đó và đêm qua ta bắt được quả tang.
4. D: Những truyền-đơn đó nói về gì?
5. B: Chẳng có gì mới, chỉ toàn là những luận-điều giả-dối xuyên-tạc thôi.
6. D: Tinh-thần dân làng có bị nao núng gì không?
7. B: Không, ngoài ra họ lại tích-cực đả-đảo mưu-mô thôn-tính miền Nam của cộng-sản. Nói tóm lại, dân làng đã làm cho những cán-bộ Việt-Cộng thất bại liềng-xiềng về mọi mặt.
8. D: Thôi cảm ơn anh, tôi phải đi đằng này có chút việc.
9. B: Chào anh. Sẽ gặp anh lại.



Đả-đảo (chính phủ) - also means to topple

Lesson 113

1. B: Last night our intelligence captured many enemy political cadres who clandestinely came back to the village to spread propaganda.
2. D: How were we able to catch them?
3. B: For a long time we heard that they had been mingling with the people, stuffing their baskets with leaflets; that's why we followed up their sneaky actions and last night we caught them in the act.
4. D: What are those leaflets about?
5. B: Nothing new. They are merely false and distorted ways of reasoning (argument).
6. D: Did the propaganda weaken the morale of the villagers?
7. B: No, besides they positively oppose the Communist tricks used to invade the South. In summary, the Viet-Cong are strongly opposed by the villagers.
8. D: Well, thank you. I have to go over there for some business.
9. B: Good-bye. See you again.

Ngũ-vịng

bây lâu nay <i>bây lâu nay</i>	for some time now
bị bắt quả tang <i>bị bắt quả tang</i>	to be caught in the act
chộp <i>chop</i>	to catch, nab
đả-đảo <i>đả-đảo</i>	to oppose; down with ...
giả-dối <i>giả-dối</i>	false, deceitful, hypocritical
gồng gánh <i>gồng gánh</i>	to carry with a pole
lén-lút (vô) <i>lén-lút (vô)</i>	to sneak (in)
thất bại liềng-xiềng <i>thất bại liềng-xiềng</i>	to suffer complete defeat
luận-diệu <i>luận-diệu</i>	argument
nao núng <i>nao núng</i>	weakened
nhét <i>nhét</i>	to stuff
theo dõi <i>theo dõi</i>	to pursue, follow
thôn-tính <i>thôn-tính</i>	to encroach upon, invade
tích-cực <i>tích-cực</i>	positively
trà trộn <i>trà trộn</i>	to mingle (oneself) with
tuyên-truyền	propaganda
xuyên-tạc <i>xuyên-tạc</i>	to distort

dòn gánh = carrying pole
gánh vác = to shoulder (responsibility)

cái quang = line (rope)

cái thúng = basket

cãi = argue = tranh luận (literal)

tâm cảo = negative

over smokefish
 Lò Sấy Cá ở Tỉnh Ninh-Thuận

Tỉnh Ninh-Thuận có một bờ biển dài 60 cây số tính theo *as an fish* "Cánh chim bay". Ba ngàn người ở đây sống về nghề đánh cá. Hằng năm họ đánh được độ 40 ngàn tấn cá. Vì tỉnh Ninh-Thuận chưa có một tổ-chức chu-đạo để kiểm thị-trường tiêu-thụ nên *perfect market consumer* sinh nạn ôi đọng cá. *produce over*

Ty *fishery bureau* Ngư-Nghiệp đã hợp-tác với Phái-Bộ Viện-Trợ Kinh-tế *cooperate* Mỹ tìm phương-pháp giải quyết nạn ôi đọng cá bằng cách biên chế hải sản. Họ đưa ra phương-pháp sấy cá. *method solve*

Phương-pháp biên-chế hải-sản thông-thường là ướp cá, *salt fish* muối cá, làm mắm, phơi khô hoặc làm nước mắm. Còn phương-pháp sấy cá là một cách biên-chế mau chóng, vừa tiện lợi *change quickest convenient* vừa đỡ tốn, có thể giữ cá được lâu và dễ kiểm được thị-trường tiêu-thụ. Muốn biên-chế hải-sản theo phương-pháp *process* mới này cần phải xây một lò sấy cá.

Lò sấy cá rất *simple* giản-dị, gồm có một cái lò xây bằng xi-măng, một ống dẫn khói và một phòng sấy cá. Người ta dùng khói để nung và sấy cá, không cần *heat* (sức nóng) của lửa. Muốn có khói để sấy cá phải dùng những *fuel wood selected* (thứ củi) chọn lọc để đốt *burn* lò. Phòng sấy chia ra làm 5 tầng. Cá đánh được đem về rửa *out* sạch, cắt ra từng khúc và ướp muối. Sấy trong ba tiếng đồng hồ phải trở cá một lần. Sấy trong ba giờ liên-tiếp *continuous* thì cá sẽ được một tháng; sấy trong sáu giờ thì sẽ được hai tháng; và sấy 15 tiếng đồng hồ thì cá có thể sẽ được một năm.

Lò sấy cá ^{đậu} ~~đậu~~ tiên ở Việt-Nam được xây cất tại thôn
Hải-Chữ, quận Thanh-Hải, tỉnh Ninh-Thuận. Lò này khởi
công xây cất từ ngày 20-9-1963 và xong ngày 29-10-1963.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can
go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

biên-chê	to change, to modify, to process
"cánh chim bay"	as the crow flies
chu-đáo	to be perfectly done
củi	firewood
giải quyết	to solve
khởi công	to begin work khởi công
khúc	section, portion
lò	oven, furnace
mắm	salted fish
Ôi động	over stock
Phái-Bộ Viện-Trợ Kinh-	U.S. Operations Mission
Tê Mỹ	(USOM)
sấy cá	to dry fish over a fire, smoke
thị-trường tiêu-tụ	market
Ty Ngư-Nghiệp	Fishery Bureau
ướp (cá), muối (cá)	to salt (fish)

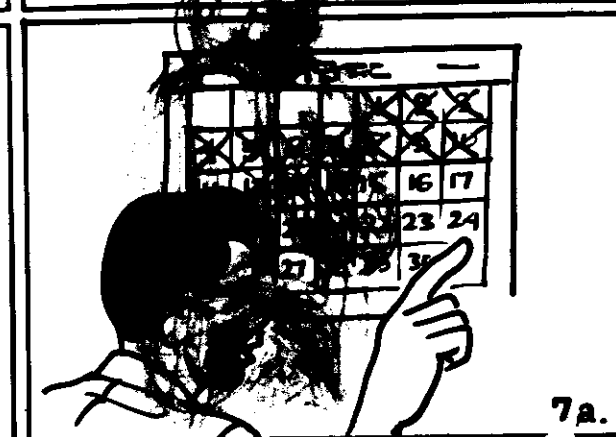
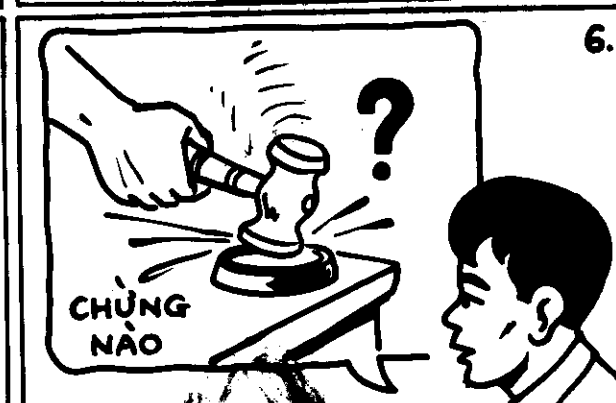
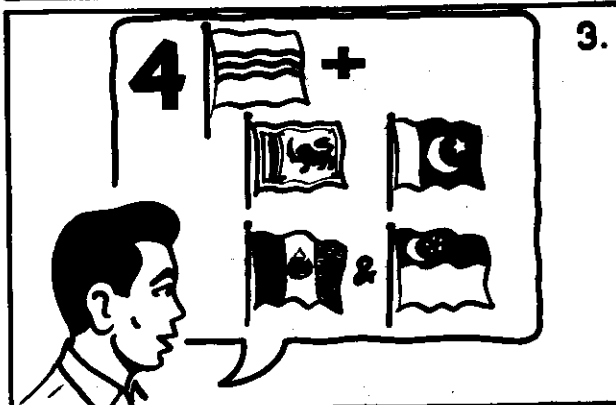
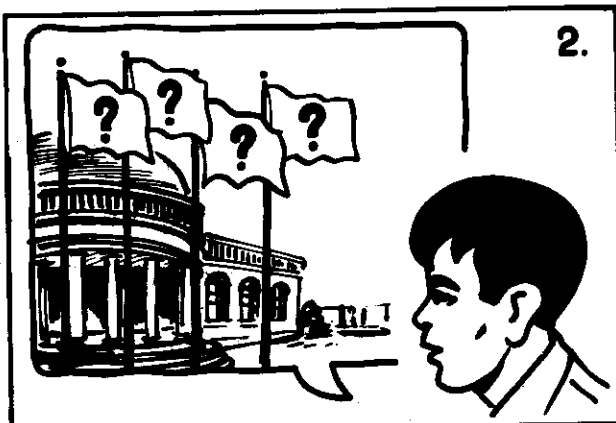
Câu hỏi:

1. Bờ biển tỉnh Ninh-Thuận dài bao nhiêu cây số?
2. Người dân ở vùng bờ biển sông về nghề gì?
3. Tại sao có nạn ôi động cá?
4. Ty Ngư-Nghiệp đã tìm được phương-pháp gì để giải-
quyết nạn ôi động cá?
5. Thường thường người ta biên-chế hải-sản bằng cách nào?
6. Phương-pháp sấy cá có *advantage* ích lợi gì?
7. Xin ông tả một lò sấy cá. *describe*
8. Cá sấy có để được lâu không?
9. Để sấy cá người ta dùng gì?
10. Người ta sấy cá như thế nào?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Cá không ăn muối cá *rots* ươn,

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư."
son argue *hundred roads*



BÀI THỬ MỘT TRĂM MƯỜI BỐN

1. V: Chiều nay tại dinh thủ-tướng sẽ có một phiên họp của cơ-quan văn-hóa quốc-tế.
2. Đ: Trong buổi họp này sẽ có những nước nào tham-dự?
3. V: Sẽ có bốn vị bộ-trưởng Việt-Nam và các đại-biêu của các nước A-Phú-Hãn, Tích-lan, Trung-Hoa Dân-Quốc và Hồi-Quốc.
4. Đ: Mục-tiêu chánh của cuộc hội-hợp này là gì?
5. V: Không có gì ngoài phạm-vi văn-hóa cả. Họ sẽ kiểm-điểm lại các tiên-bộ thực-sự năm qua và sẽ hoạch-định chương-trình và phương-tiện cho năm tới.
6. Đ: Chẳng nào hội sẽ bế-mạc?
7. V: Tôi chưa biết chắc. Nếu các nhơn-viên trong cơ-quan văn-hóa thỏa-mãn với chương-trình dự-thảo sang năm thì họ sẽ bế-mạc vào cuối tuần-lễ này.



VS. L 114

Lesson 114

1. Vê: This afternoon, at the Premier's palace there will be a meeting of the International Cultural Organization.
2. Đình: Which nations will participate in this meeting?
3. V: There will be four Vietnamese ministers and the delegates of Afghanistan, Ceylon, Nationalist China and Pakistan.
4. Đ: What is the main objective of this meeting?
5. V: Nothing beyond matters of cultural nature. They will review last year's achievements and will draw up a program and procedures for next year.
6. Đ: When will the meeting be adjourned?
7. V: I don't know for sure yet. If all the members of the Cultural Organization are pleased with the draft for next year's program, they will adjourn by the end of this week.

VS. L 114

Ngũ-vụng

A-Phủ-Hãn	<i>A-phủ hãn</i>	Afghanistan, Afghan
bế-mạc	<i>bế-mạc</i>	to close, adjourn (a conference)
dự-thảo	<i>dự thảo</i>	draft, rough copy
hoạch-định	<i>hoạch định</i>	to draw up
Hồi-Quốc	<i>Hồi Quốc</i>	Pakistan
kiểm-điểm	<i>kiểm điểm</i>	to review
mục-tiểu		objective
phạm-vi		field, limit
thực-sự		real, true
thỏa-mãn		to be satisfied
Tích-lan		Ceylon
tiên-bộ		progress
Trung-hoa Dân-quốc		Nationalist China
văn-hóa		culture
vị		particle indicating respect

Chuyện Con Muối (tiếp theo)

Ông tiên làm phép rồi nói: "Bây giờ con cắn đầu ngón tay, nhỏ ba giọt máu xuống xác vợ con thì vợ con sẽ sống lại" Ngọc-Tâm làm theo và một lát sau thì Nhan-Diệp sống lại. Hai vợ chồng lại tụ ông tiên rồi xuống đồ về. Sau vài tháng vui sống với nhau trong cảnh nghèo túng, Nhan-Diệp nghe lời đường-mật của một người lái buôn giàu có bỏ đi với người ấy. Ngọc-Tâm đi kiếm vợ mấy tháng trời mới thấy, nhưng Nhan-Diệp ^{found} ~~nam~~ sống trong cảnh giàu sang, ^{decided} ~~nhất~~ định không chịu quay về với Ngọc-Tâm. Không biết làm thế nào, Ngọc-Tâm yêu cầu vợ một điều là trả lại cho chàng 3 giọt máu chàng đã nhỏ cho nàng mấy tháng trước. Nhan-Diệp nhận lời ngay và lấy một cái kim chích ở đầu ngón tay, trả lại Ngọc-Tâm 3 giọt máu. Nhưng ba giọt máu vừa chảy ra thì Nhan-Diệp ngã xuống chết. Nhan-Diệp ^{transformed} ~~trở~~ thành con muối bay khắp mọi nơi, ^{to living} ~~cắn~~ hết người này đến người khác, may ra cắn được Ngọc-Tâm mà đòi lại ba giọt máu để sống lại.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vịng

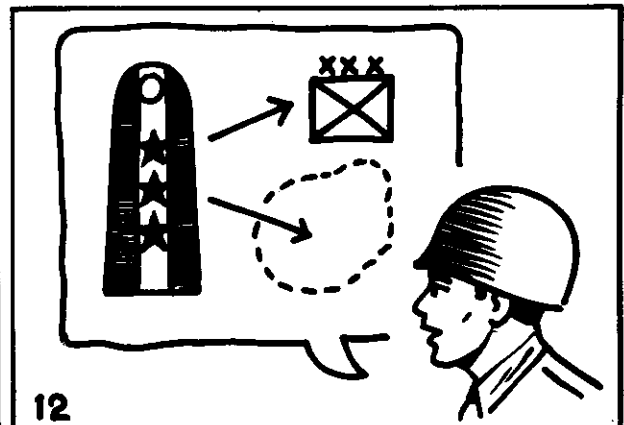
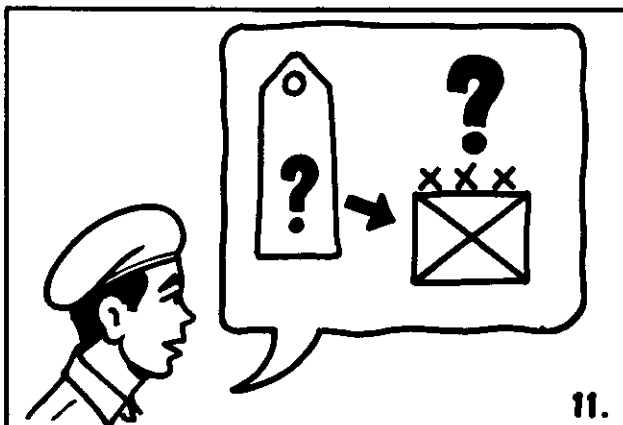
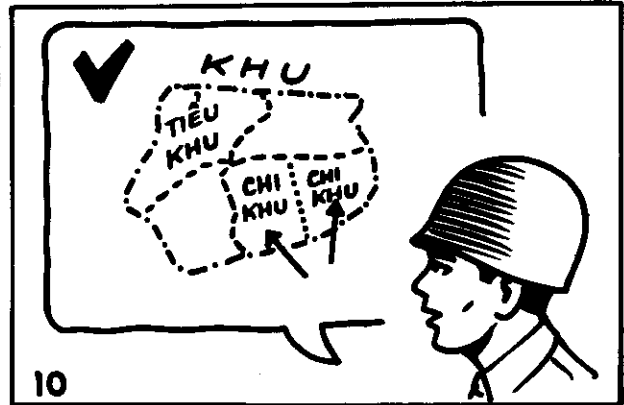
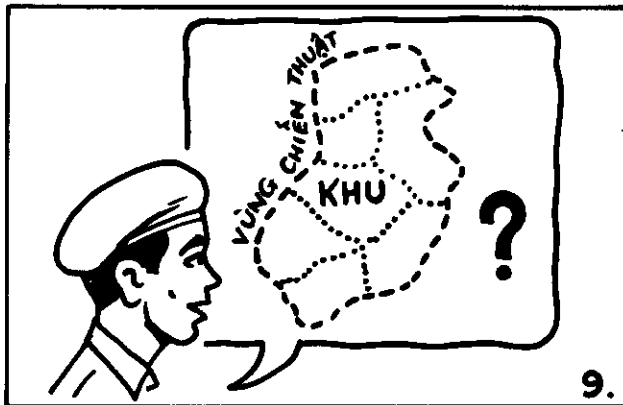
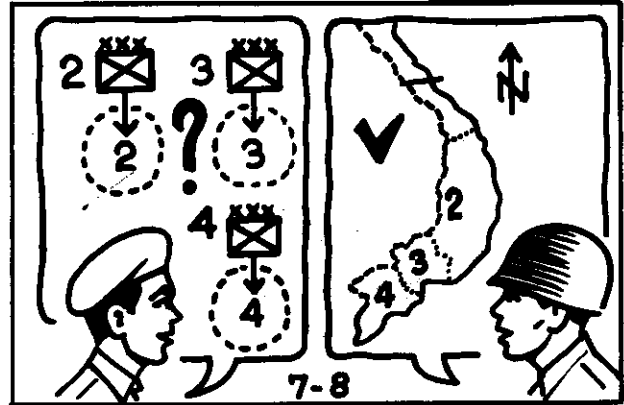
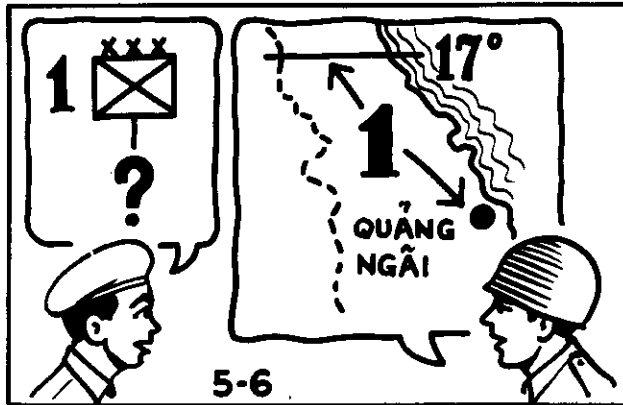
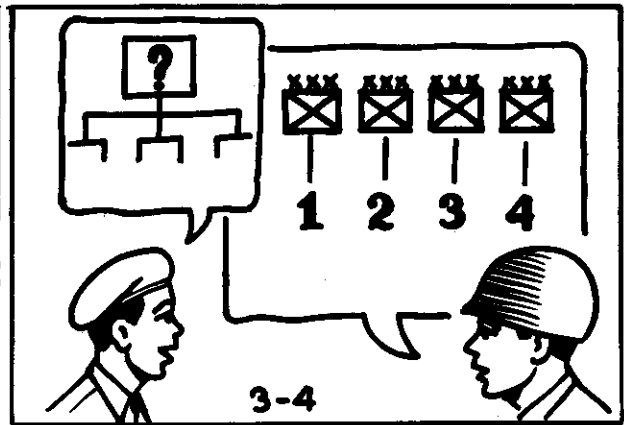
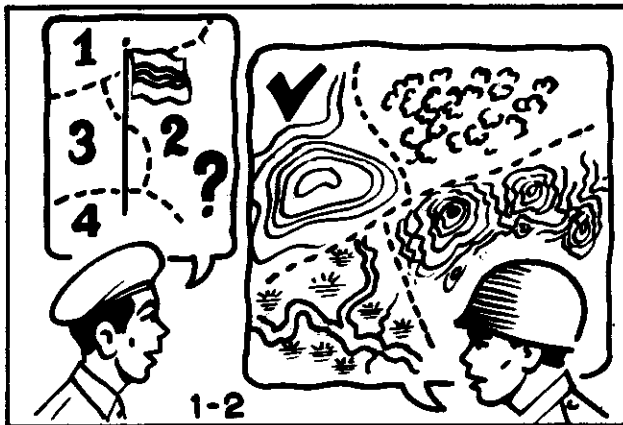
cắn	to bite
chích	to prick, pierce
đòi	to ask insistently, demand, to claim
giọt máu	drop of blood
hoá thành	be transformed into
kim	needle, pin
lạy tạ	to prostrate, bow low to give thanks
lời đường-mật	honeyed, sugary words
ngã	to fall
người lái buôn	merchant
nhỏ	to give in drops

Câu hỏi:

1. Làm thế nào mà Nhan-Diếp sống lại được?
2. Nhan-Diếp bỏ đi với ai?
3. Tại sao Nhan-Diếp không quay về với chồng?
4. Ngọc-Tâm yêu-cầu vợ điều gì?
5. Theo bài này thì tại sao muốn cần người ta?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Thuộc đảng đồ tặc".



BÀI THỬ MỘT TRĂM MUỖI LĂM

1. CÔ-văn: Việt-Nam Cộng-Hòa được chia ra làm bốn vùng chiến-thuật phải không?
2. Trung-úy
Nguyên: Phải. Vì địa-thể của mỗi vùng khác nhau nên phải có những đơn-vị thích-ứng đề đối-phó với địch.
3. CÔ-văn: Ai phụ-trách mỗi vùng?
4. T.U.N: Quân-đội Việt-Nam có bốn quân-đoàn. Mỗi quân-đoàn phụ-trách một vùng chiến-thuật.
5. CÔ-văn: Quân-đoàn I phụ-trách vùng nào?
6. T.U.N: Quân-đoàn I phụ-trách vùng chiến-thuật từ vĩ-tuyến 17 tới Quảng-Ngãi.
7. CÔ-văn: Còn quân-quản II phụ-trách vùng 2, quân-đoàn III vùng 3 và quân-đoàn IV vùng 4, phải không?
8. T.U.N: Dạ phải. Vùng 2 ở miền cao-nguyên. Vùng 3 gồm có các tỉnh miền đông. Còn vùng 4 thì ở miền nam Việt-Nam Cộng-Hòa.
9. CÔ-văn: Vùng chiến-thuật còn chia ra từng khu chiến-thuật phải không?
10. T.U.N: Dạ phải, mỗi khu cũng chia ra thành tiểu-khu và tiểu-khu còn chia ra làm nhiều chi-khu nữa.
11. CÔ-văn: Ai chỉ-huy các quân-đoàn này?
12. T.U.N: Mỗi quân-đoàn có một tướng chỉ-huy kiêm tư-lệnh vùng chiến-thuật.

VS. L 115

Lesson 115

1. Advisor: The Republic of Viet-Nam is divided into four tactical zones, isn't it?
2. Lt. Nguyễn: Yes. Because of the differences of terrain in each zone, we need different types of units to cope with the enemy.
3. Advisor: Who is in charge of each zone?
4. Lt. N: The Vietnamese Army has four corps. Each corps is in charge of each tactical zone.
5. Advisor: Which tactical zone is the 1st Corps in charge of?
6. Lt. N: The 1st Corps is in charge of the 1st Tactical Zone which extends from the 17th parallel to Quảng Ngãi.
7. Advisor: The 2nd Corps is in charge of the 2nd Tactical Zone, the 3rd Corps the 3rd Zone and the 4th Corps the 4th Zone, aren't they?
8. Lt. N: Yes. The 2nd Corps is in the plateau area. The 3rd Corps includes the provinces in the eastern region. And the 4th Corps is in the ~~southern~~ southern region of Viet-Nam.
9. Advisor: The Tactical Zones are also subdivided into Division Tactical Areas, aren't they?
10. Lt. N: Yes, and the Tactical Areas are further divided into sectors and sectors into subsectors.

VS. L 115

11. Advisor: Who commands these corps?

12. Lt. N: Each corps is commanded by a general who also commands a Tactical Zone.

Ngũ-vũ

chi-khu	subsector
địa-thể	terrain
khu chiến-thuật	division tactical area
kiếm	to assume 2 functions at the same time
quân-đoàn	corps
thích-ứng	suitable, appropriate
tiểu-khu	sector
tư-lệnh	commander
vùng chiến-thuật	tactical zone

2
 18.75
 18.75
 18.75
 18.75

18.75

Quân Pháp Lấy Bắc-Kỳ

(tiếp theo)

Sau khi Francis Garnier chết, quân Pháp ở Sài-gòn sai ^{assigned} Philastre ra bắc để ^{negotiate} điều-định với ông Nguyễn-văn-Tường, đại ^{court} diện cho ^{signed} triều-đình Việt-Nam. Năm 1874 hai bên ký ^{peace treaty} hòa-ước với nhau. Theo tờ hòa-ước này, nước Việt-Nam phải ^{abdicate} nhường ^{give up} hẳn cho nước Pháp đất Nam-kỳ. Nước Pháp giúp Việt-Nam một ít khí-giới và ^{sent people} cho người giúp Việt-Nam huấn-luyện quân-đội ^{help} vân vân.

Sau khi hai bên đã ký hòa-ước xong, quân Pháp rút về Nam-kỳ. Tuy vậy người Pháp vẫn muốn chiếm Bắc-kỳ, nên luôn luôn chờ dịp ^{kind reason} kiếm cớ để mang quân ra Bắc.

Năm 1881 có hai người Pháp tên là Courtin và Villeroi được ^{presented} (giấy thông-hành) đi lên Vân-Nam, nhưng bị ^{by foreign enemies} giặc khách do ^{badly} Lý-duyng-Tài đứng đầu làm ^{be stopped} (ngăn trở) không đi được. Viên ^{French} Thông-độc Pháp ở Nam-kỳ viết thư về Pháp nói rằng nước Pháp nên dùng ^{force} binh-lực để chiếm Bắc-kỳ. Vì thế đầu năm 1882, đại-tá Henri Rivière mang ^{ships} binh (thuyền) ra Bắc. Quan ^{French} Tổng-Độc Hà-nội bấy giờ là Hoàng-Diệu thấy vậy ra lệnh cho quân lính phòng-bị. Henri Rivière thấy vậy liền gởi ^{ultimatum} tối-hậu-thư cho ông Hoàng-Diệu ^{to limit} (hạn) đến 8 giờ phải ^{dequilitize} giải-binh, và các quan văn võ Việt-Nam phải ra đợi lệnh ở Đồn-Thủy. Đúng 8 giờ thì quân Pháp đánh thành và 11 giờ thì thành ^{fell} đổ. Ông Hoàng-Diệu

trèo lên cây ^{hang himself} thắt cổ tự-tử.

Trong triều-đình bấy giờ thật là rối loạn, người bàn ^{cries} đánh, người bàn hòa. Sau cùng triều-đình nhứt định đánh, rồi sai người sang cầu-cứu nước Tàu. Nhưng quân Pháp mạnh lắm nên quân ta bị thua khắp các mặt trận. Pháp điều-định với Tàu đề Tàu rút quân về. Hai bên ký với nhau tờ hoà-uớc Fournier ở Thiên-Tân 1884.

Sau khi đánh nhau gần ba năm, Triều-đình Việt-Nam phải ^{accept} chịu ký với Pháp tờ hoà-uớc Patenôtre năm 1884. Theo tờ hoà-uớc nầy nước Việt-Nam bị chia ra làm 3 phần: Nam-kỳ là ^{abey} (thuộc-địa) của Pháp, Bắc-kỳ và Trung-kỳ thuộc bảo-hộ của Pháp, nhưng mỗi "kỳ" có một cách ^{government} cai-trị khác nhau.

Nước Việt-Nam trước kia từ Bắc đến Nam là một. Văn-hóa, lịch-sử, ^{customs} phong-tục, ^{language} ngôn-ngữ đều là một cả. Bấy giờ thành ra ba xứ, mỗi xứ có một ^{policy} chính-sách riêng như ba nước vậy.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

B₂

10

. Ngũ-vụng

bình-lực	military forces
cai-trị	to control, govern
chánh-sách	policy, regime
giải-binh	to demobilize
hòa	to make peace
lãm ngăn-trở	to hinder
ngôn-ngữ	language
nhường	to give in, abdicate
nước bảo-hộ	protected country; protectorate
quan văn võ	civil and military court officials
quyền-bảo-hộ	the right to protect
Thông-độc	governor
tối-hậu-thư	ultimatum



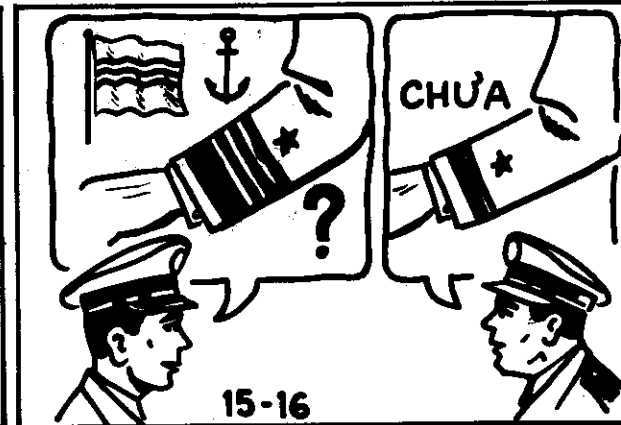
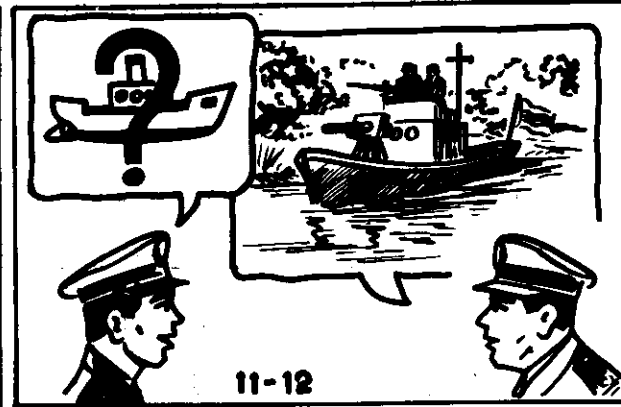
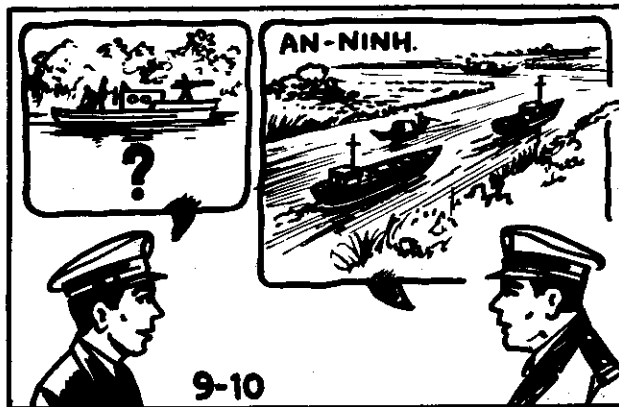
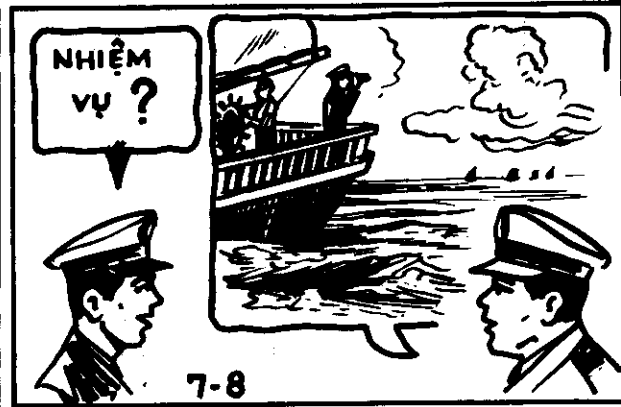
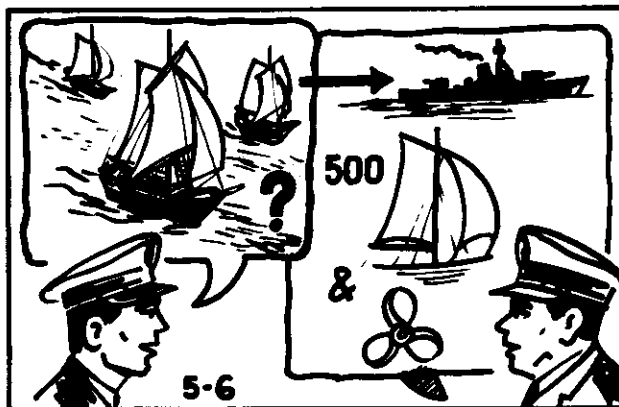
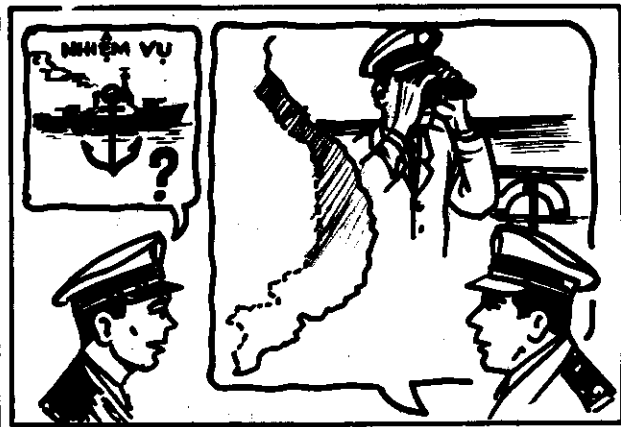
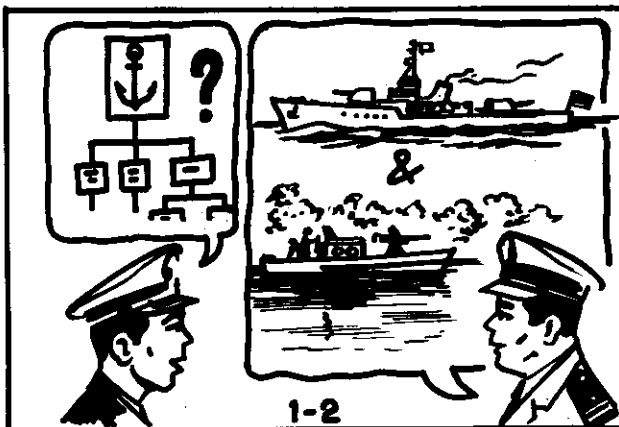
Câu hỏi:

1. Tờ hòa-ước năm 1874 nói gì?
2. Vua Việt-Nam ký tờ hòa-ước 1874 phải không?
3. Năm 1881 có gì lạ?
4. Quân Pháp mang binh thuyền ra Bắc năm nào?
5. Ai chỉ huy thành Hà-nội?
6. Thành Hà-nội đứng vững được bao lâu?
7. Tại sao quân Tàu không giúp Việt-Nam?
8. Tờ hòa-ước 1884 nói gì?
9. Đất Nam-kỳ thuộc về ai?
10. Trung-kỳ và Bắc-kỳ thuộc quyền ai?

Tục-ngữ Việt-Nam:

^{awak} "Thức lâu mới biết ^{long night} đêm dài
^{bye} Ở lâu mới biết ^{feeling} lòng người có ^{and} nhân."





BÀI THỨ MỘT TRĂM MƯỜI SÁU

1. Trung-ủy Goldfinger: Hải-quân Việt-Nam được tổ-chức như thế nào?
2. Trung-ủy Cao: Hải-quân Việt-Nam gồm có Hải-lực và Giang-lực.
3. T.U.G: Hải-lực có nhiệm-vụ gì?
4. T.U.C: Hải-lực có nhiệm-vụ chuyên-chở và bảo-vệ an-ninh dọc theo bờ biển.
5. T.U.G: Còn Hải-thuyền là gì?
6. T.U.C: Hải-thuyền thuộc Hải-lực. Hải-thuyền có chừng năm trăm chiếc ghe, cả ghe buồm lẫn ghe máy.
7. T.U.G: Hải-thuyền có nhiệm-vụ gì?
8. T.U.C: Hải-thuyền có nhiệm-vụ đi tuần-tiểu ở ngoài biển.
9. T.U.G: Còn Giang-lực thì làm gì?
10. T.U.C: Giang-lực thì có nhiệm-vụ chuyên-chở và bảo-vệ an-ninh ở các sông, lạch.
11. T.U.G: Đi tuần-tiểu ở trên sông lạch thì Giang-lực dùng loại chiến-hạm gì?
12. T.U.C: Chúng tôi dùng loại pháo-hạm nhỏ.
13. T.U.G: Các sĩ-quan Hải-quân Việt-Nam được huấn-luyện ở đâu?

Lesson 116

1. Lt.JG Goldfinger: How is the Vietnamese Navy organized?
2. Lt.JG Cao: The Vietnamese Navy is composed of the
Sea Force and the River Force.
3. Lt.JG G: What is the mission of the Sea Force?
4. Lt.JG C: The Sea Force is responsible for transportation
and security along the coast.
5. Lt.JG G: Well, what is the Junk Force?
6. Lt.JG C: The Junk Force is attached to the Sea Force.
It has about 500 junks, both sail and motor
powered.
7. Lt.JG G: What is the mission of the Junk Force?
8. Lt.JG C: The mission of the Junk Force is to patrol
at sea.
9. Lt.JG G: What is the work of the River Force?
10. Lt.JG C: The River Force is responsible for transportation
and security in the rivers and canals.
11. Lt.JG G: What type of ships does the River Force use in
patrolling?
12. Lt.JG C: We use a small type of gunboat.
13. Lt.JG G: Where are the Vietnamese Navy officers trained?

VS. L 116

14. T.U.C: Họ được huấn-luyện ở trường Sĩ-quan Hải-quân
Nha-Trang.
15. T.U.G: Hải-quân Việt-Nam có đồ-độc chưa?
16. T.U.C: Chưa, hiện nay chúng tôi chỉ có một chuần-
độc thôi.

14. Lt.JG C: They are trained at the Navy Academy at
Nha-Trang.

15. Lt.JG G: Does the Vietnamese Navy have any Admirals?

16. Lt.JG C: At present we only have one Commodore.

Ngũ-vũng

cả ... lẫn	both
Chuẩn-đốc	Commodore
chuyên-chở	to transport
Đô-đốc	Admiral
ghe buồm	sailboat
ghe máy	motorboat
Giang-lực	River Force
Hải-lực	Sea Forces
Hải-thuyền	Junk Forces
lạch	canal
pháo-hạm	gunboat
Trường Sĩ-Quan Hải-Quân	Navy Academy



Dasm



Khoáng-sản

Khoáng-sản là những thứ đá hay kim-khí ^{metals} đào ở dưới đất lên. Những chỗ đào lên để lấy khoáng-sản gọi là mỏ. Ở Việt-Nam có nhiều thứ mỏ.

Mỏ than. Ở Đông-triều (Bắc-Việt) có mỏ than chạy suốt từ Hải-phòng đến Cái-bầu, nhiều nhứt ở các miền Trang-bạch, Mao-khé, Ưông-bí và Cẩm-phả. Mỏ ở đây nằm ngay trên mặt đất nên rất dễ ^{exploit} khai. Ngoài Bắc cũng còn nhiều mỏ than nhỏ ở Nho-quan, Thái-nguyên, Cao-bằng, v.v. nhưng những mỏ này vừa nhỏ vừa ^{inconvenient} không tiện cho đường vận-tải ^{transportation} nên không có ^{profitable} lợi mấy.

Ở Trung-Việt có mỏ Nông-sơn cách Đà-nẵng 74 cây số cũng khá quan-trọng. Mỏ này ở ^{under} ngầm nên phải đào (giếng) sâu tới 80 thước mới khai được.

Mỏ vàng. Ở gần Tam-kỳ (thuộc Quảng-nam) có một mỏ vàng ở Bồng-miếu. Ngoài ra cũng có mấy mỏ vàng nhỏ ở các nơi khác. Hiện thời không có ai khai mỏ vàng ở Việt-Nam vì không lợi là bao nhiêu.

Việt-Nam cũng còn nhiều thứ mỏ khác, như mỏ sắt (ở Tuyên-quang, Thái-nguyên), mỏ ^{quartz} kem, mỏ ^{iron} đồng (ở Vạn-lĩnh), mỏ ^{tin} thiếc (ở Nguyên-bình, Ngân-sơn), v.v. Đó là chưa kể đến cát trắng để làm (thủy tinh) và những thứ đá quý, như đá cẩm thạch, để làm tượng và làm mặt bàn ghế.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vịng

giếng	a well
kẽm	zinc
kim-khí	metal
khai (mỏ)	to mine
khoáng-sản	minerals
mỏ	a mine, ore deposit
thiếc	tin

Câu hỏi:

1. Khoáng sản lấy ở đâu?
2. Ở Bắc-Việt vùng nào có nhiều mỏ than?
3. Than dùng để làm gì?
4. Mỏ ngầm để khai hay mỏ trên mặt đất để khai? Tại sao?
5. Tại sao đường vận-tải lại cần cho việc khai mỏ?
6. Ở Việt-Nam có mỏ vàng không? Ở đâu?
7. Ngoài mỏ than và mỏ vàng ra, Việt-Nam còn có những mỏ gì nữa?
8. Cát trắng dùng để làm gì?
9. Xin ông cho biết một ít đồ làm bằng thủy-tinh.

in
6 words

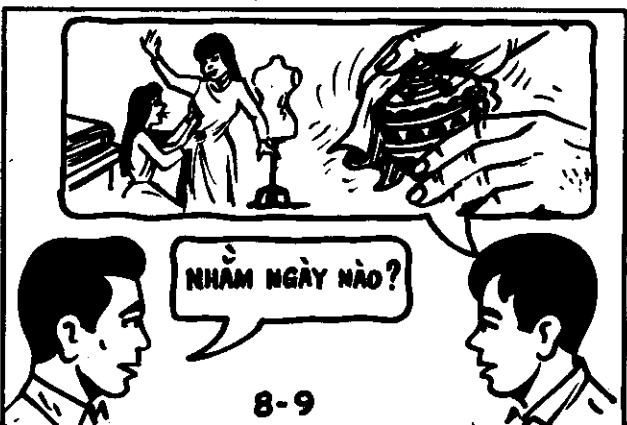
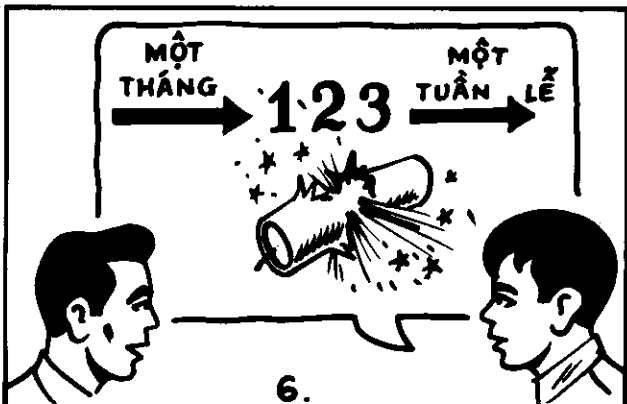
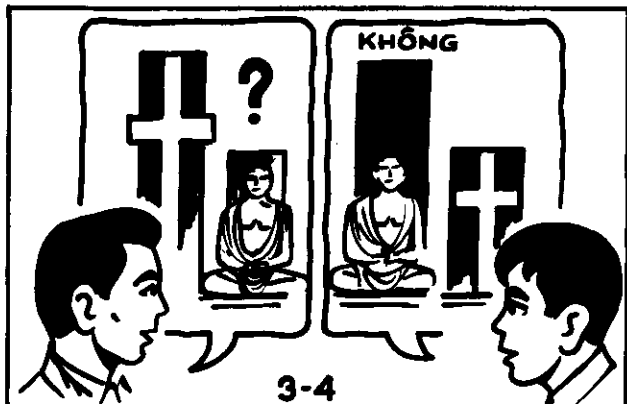
Tục-ngữ Việt-Nam:

"Một (kho vàng) không bằng một nang chũ."
^{warehouse}
^{of gold} ^{small bag of funds}

Jack

2 life and

• life



BÀI THỨ MỘT TRĂM MƯỜI BẢY

1. Ông Devon: Ở Việt-Nam người ta có ăn lễ Giáng-Sinh không?
2. Ông Cường: Những người theo đạo Thiên-chúa có mừng lễ Giáng-Sinh, còn những tín-đồ Phật-giáo thì không.
3. Ô. D: Ở Việt-Nam đa-số dân chúng theo đạo Công-giáo và Tin-lành phải không?
4. Ô. C: Dạ không. Nhưng người Công-giáo và Tin-lành vẫn là một thiểu-số quan-trọng.
5. Ô. D: Tôi nghe nói ở Việt-Nam người ta ăn Tết Nguyên - dân long-trọng lắm phải không?
6. Ô. C: Dạ phải. Ba ngày Tết là mừng một, mừng hai và mừng ba. Nhưng có thể nói rằng Tết bắt đầu cả tháng trước, và sau đó kéo dài cả tuần.
7. Ô. D: Trong dịp Tết dân chúng mất nhiều thì giờ sắm-sửa và chúng bày trong nhà ngoài cửa phải không?
8. Ô. C: Đúng vậy. Người ta may quần-áo mới, đem lu ở trên bàn thờ xuống đánh bóng, dựng cây nêu vãn-vãn ...
9. Ô. D: Ngày Tết thường nhằm ngày nào ông?

Lesson 117

1. Ông Devon: In Viet-Nam, do the Vietnamese people celebrate Christmas?
2. Ông Cường: The people who are Christians celebrate Christmas, but not the Buddhists.
3. Ô. D: In Viet-Nam, the majority of the population is Catholic or Protestant, isn't it?
4. Ô. C: No, but Catholics and Protestants are nevertheless important minorities.
5. Ô. D: I heard that in Viet-Nam people have a big celebration at New Year's, is that right?
6. Ô. C: Yes. The three days of celebration are the first, second and third. But you can say that the celebration begins a whole month before those three days, and continues after for a whole week.
7. Ô. D: On the occasion of Tết, people spend a lot of time to prepare and decorate the house, is that right?
8. Ô. C: Exactly. They make new clothes, take the incense burner down from the family altar and polish it, erect a tall bamboo tree, etc.
9. Ô. D: Usually which day does the Vietnamese New Year fall on?

10. Ô. C: Ngày đầu năm âm-lịch. Nhưng tôi không biết chắc
nhằm ngày nào theo dương-lịch cả. Có khi nhầm
cuối tháng giêng, có khi nhầm đầu tháng hai lịch
tây.
11. Ô. D: Cảm ơn ông. Tôi mong sẽ có dịp nói chuyện với
ông nữa.
12. Ô. C: Tôi cũng mong được gặp ông lại.

10. Ô. C: It is the first day of the year according to the lunar calendar. But I don't know for sure which day it falls on the solar calendar. Sometimes it comes at the end of January; sometimes at the beginning of February.
11. Ô. D: Thank you. I hope that I'll have the opportunity to talk with you again.
12. Ô. C: Me too, I hope to see you again.

Ngũ-vụng

âm-lịch	lunar calendar
bàn thờ	altar
cây nêu	New Year's tree
Công-giáo	Catholic
đa-số	majority
đánh bóng	to polish
đạo Thiên-chúa	Christianity
dựng	to erect, raise
dương-lịch	solar calendar
kéo dài	to last, drag out
lễ	holiday, celebration
lễ Giáng-Sinh	Christmas
long-trọng	festive and solemn
lư	incense burner
nhằm	to fall on, hit, occur on
Phật-giáo	Buddhism
Tết Nguyên-đán (formal term)	Lunar New Year
thiểu-số	minority
tín-đồ	believer, follower
Tin-lành	Protestant

Tết Nguyên-đán

Tết Nguyên-đán là lễ long-trọng nhất ở Việt-Nam. Đó là ngày đầu năm, theo âm-lịch, thường thì nhằm ~~tháng~~^{Choi} tháng giêng hay đầu tháng hai dương-lịch. Gọi là chánh lễ thì ba ngày -- mừng một, mừng hai và mừng ba. Nhưng đúng ra thì người ta bắt đầu ăn Tết vào hai mươi ba tháng chạp. Người ta đưa Táo-Quân về trời tâu Thượng-đế chuyện dương-gian. Đêm giao-thừa, khi cả gia-quyên, sum-hợp đông-đủ, trước bàn thờ tổ-tiên người lớn tuổi nhất thay mặt đến cầu rước ông bà về ăn Tết với con cháu. Trong ba ngày Tết, các bàn thờ được chưng đầy nhang đèn, hoa quả. Mỗi khi đến hai bữa cơm chánh con cháu cũng không quên ^{lên} dâng hai mâm cơm cho ông bà. Khi khách đến chúc Tết thì vái lạy trước bàn thờ rồi, mỗi mừng tuổi nhau sau. Họ chúc nhau ba chữ Phước, Lộc, Thọ. Năm mới cũng có tục cho trẻ con tiến mừng tuổi: mỗi (dứa trẻ) được một số tiền nhỏ (bạc) trong một tờ giấy đỏ. Ngày nay người ta có tục ^{gửi} gởi danh-thiệp chúc mừng nhau. Gởi danh-thiệp cũng là một dịp để cho mọi người biết chúc-nghiep của mình nữa.



(còn nữa)

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vịng

bọc	to wrap
cầu	to request, invite respectfully
chức-nghiep	occupation, function
danh-thiếp	visiting card
đêm giao-thừa	New Year's Eve
dùng	to offer respectfully
đúng ra	in reality, actually
dương-gian	earth (as opposed to heaven)
gia-quyên	family
hoa quả	fruits
lạy	to prostrate
lộc	prosperity
mừng tuổi	to give congratulations on New Year's
phước <u>or</u> phúc	blessing, good luck; fecundity
rước	to meet (on arrival), welcome
sum-họp	to get together
Táo-Quần	Household God
tâu	to report (to a sovereign, etc.)
thay mặt	to speak or act on behalf of others
thọ	long life
Thượng-đế	the Lord
vái	to bow

Câu hỏi:

1. Người Việt-Nam ăn Tết như thế nào?
2. Người Việt-Nam ăn Tết vào lúc nào?
3. Táo-Quân về trời làm gì?
4. Ngày nào người ta cầu rước ông bà về ăn Tết?
5. Bàn thờ ngày Tết như thế nào?
6. Khi khách đến nhà thì họ làm gì?
7. Ngày Tết người Việt-Nam chúc nhau những gì?
8. Ngày Tết trẻ con đi mừng tuổi thì được gì?
9. Ngày nay người ta có thể chúc Tết bằng cách nào?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Tết đến sau lưng,
Ông vải thì mừng,
Con cháu thì lo."

